

Bản án số: 34/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 17/9/2025

V/v tranh chấp Ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1, THÀNH PHỐ H**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Nhật Minh.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1/ Bà Nguyễn Thị Xuyên.

2/ Ông Nguyễn Kiên Hiên.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đinh Thế Mạnh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1, Thành phố H tham gia phiên tòa:**  
Bà Nguyễn Thị Yên Nhi - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1, Thành phố H– số 139 đường N, phường X, Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 148/2025/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2025 về tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Minh H, sinh năm 1991

Địa chỉ: tổ H, khu phố 7, thị trấn P, huyện P, tỉnh B.

2. *Bị đơn:* Ông Từ Minh V, sinh năm 1971

Địa chỉ: 64/21 đường N, Phường H, Quận B, Thành phố H.

*(Các đương sự có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Ông Từ Minh V và bà Nguyễn Thị Minh H tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P, tỉnh B. Ông bà có 02 người con chung tên Từ Mẫn Đ, sinh ngày 26/8/2012 và Từ Đăng K, sinh ngày 20/6/2016. Tài sản chung và nợ chung: Bà H, ông V tự thỏa thuận không yêu cầu Toà án giải quyết.

- *Về ý kiến và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:* Sau khi kết hôn, bà và ông V chỉ sống hạnh phúc thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình hai bên không hợp nhau, quan điểm bất đồng, ông V nhiều lần dùng vũ lực với bà. Ông V thường bỏ nhà đi, vài tháng mới về nhà rồi lại đi ngay. Nay bà H xác định khả năng đoàn tụ và tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn. Về con chung: Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Từ Đăng K, sinh ngày 20/6/2016 và đồng ý giao trẻ Từ Mẫn Đ, sinh ngày

26/8/2012 sẽ do ông V trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Về tài sản chung và nợ chung: Ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về ý kiến và quan điểm của bị đơn:* Ông V xác định việc chung sống giữa ông và bà H không còn hạnh phúc nên trước việc bà H xin ly hôn thì ông V đồng ý. Ông đồng ý giao trẻ Từ Đăng K, sinh ngày 20/6/2016 cho bà H nuôi dưỡng và ông nuôi dưỡng trẻ Từ Mẫn Đ, sinh ngày 26/8/2012, không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án không tiến hành hòa giải đoàn tụ được do bị đơn ông Từ Minh V sau khi có bản tự khai cho Tòa án, ông V có đơn yêu cầu vắng mặt trong suốt quá trình tiến hành tố tụng.

- Tại phiên tòa: Các đương sự có đơn yêu cầu vắng mặt.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực I, Thành phố H phát biểu quan điểm:* Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định, tuân theo pháp luật tố tụng. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giải quyết cho bà Nguyễn Thị Minh H được ly hôn với ông Từ Minh V. Do các bên thống nhất được với nhau trong việc nuôi dưỡng con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự giao trẻ Từ Đăng K, sinh ngày 20/6/2016 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng; giao trẻ Từ Mẫn Đ sinh ngày 26/8/2012 do ông V nuôi dưỡng. Không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Về tài sản chung và nợ chung, các bên tự thỏa thuận nên không xem xét giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về pháp luật tố tụng:

1.1. Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Minh H xin ly hôn với ông Từ Minh V là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Căn cứ kết quả xác minh của Công an phường V, Thành phố H thể hiện ông V có đăng ký hộ khẩu thường trú tại 64/21 đường N, khu phố M, phường V, Thành phố H và hiện đang thực tế cư trú tại địa chỉ trên. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1, Thành phố H.

1.2. Việc xét xử vắng mặt các đương sự: Nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Minh H và bị đơn – ông Từ Minh V có đơn yêu cầu vắng mặt nên căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ và giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về pháp luật nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 165/2013 do Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P, tỉnh B cấp ngày 12/12/2013 có cơ sở xác định hôn nhân giữa ông V và bà H là hợp pháp. Bà H xác nhận việc chung sống giữa bà và ông V không còn hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống nên yêu cầu được ly hôn. Tại bản tự khai ngày 27/8/2025 ông V đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà H. Xét thấy, bà H và ông V đều

đồng ý ly hôn nên căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà H, giải quyết cho bà được ly hôn với ông V.

2.2. Về con chung: Căn cứ giấy khai sinh số 389/2013, quyền số 02/2013 ngày 12/12/2013 và Giấy khai sinh số 231/2016 ngày 28/7/2016 có cơ sở xác định trong quá trình chung sống, bà H và ông V có 02 người con chung tên Từ Mẫn Đ, sinh ngày 26/8/2012 và Từ Đăng K, sinh ngày 20/6/2016. Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Từ Đăng K và đồng ý giao trẻ Từ Mẫn Đ cho ông V trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Tại bản tự khai ngày 27/8/2025, ông V trình bày ý kiến thống nhất với việc nuôi dưỡng con chung của bà H. Xét thấy, thỏa thuận nuôi dưỡng con chung của bà H và ông V là tự nguyện, không trái pháp luật và phù hợp nguyện vọng của trẻ Từ Mẫn Đ và Từ Đăng K thể hiện trong bản tự khai tại tòa nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

2.3. Về tài sản và nghĩa vụ chung của vợ chồng: Bà H và ông V tự thỏa thuận không yêu cầu nên Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, bà H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **1. Tuyên xử:**

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Minh H được ly hôn với ông Từ Minh V.

Quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông V chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, khi đó Giấy chứng nhận kết hôn số 165, quyền số 01/2013 do Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P, tỉnh B cấp ngày 12/12/2013 không còn giá trị pháp lý.

1.2. Về con chung: có 02 con chung tên Từ Mẫn Đ, sinh ngày 26/8/2012 và Từ Đăng K, sinh ngày 20/6/2016. Giao trẻ Từ Mẫn Đ cho ông Từ Minh V trực tiếp nuôi dưỡng, giao trẻ Từ Đăng K cho bà Nguyễn Thị Minh H trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Mức cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng. Việc thay đổi cấp dưỡng nuôi con do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà H và ông V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở, nhưng ông bà không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của bên đang trực tiếp nuôi con. Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của

pháp luật, Toà án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

1.3. Về tài sản và nghĩa vụ chung của vợ chồng: Bà H và ông V tự thỏa thuận không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Minh H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Tiền án phí của bà H được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà H đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số 0009055 ngày 13/8/2025 của Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 1, Thành phố H. Bà Nguyễn Thị Minh H đã nộp đủ án phí.

3. Quyền kháng cáo: Bà H và ông V được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND TP. H;
- VKSND TP. H;
- VKSND Khu vực 1, TP. H;
- UBND xã P;
- Phòng THADS Khu vực 1, TP.H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Nhật Minh**



# **THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ      THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

## ***Nơi nhận:***

- TAND TP. H;
- VKSND TP. H;
- VKSND Khu vực 1, TP. H;
- UBND Phường 4, Quận 3;
- Phòng THADS Khu vực 1, TP.H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Nhật Minh**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ      THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

